

Bản án số: 177/2025/HS-PT
Ngày 21-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Dương Anh Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1153/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Lê Phú C do có kháng cáo của bị cáo Lê Phú C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 507/2024/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Với điểm cầu trung tâm tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Phòng xét xử trực tuyến Trại tạm giam C – Công an Thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị: Lê Phú C; sinh năm 1988 tại Hậu Giang; nơi đăng ký thường trú: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Số A, Tổ I, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Võ Thị Thanh H; có vợ là Dương Mỹ Á và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 12 năm 2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Phú C: Ông Nguyễn Tấn L là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Tấn L thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 (sau đây gọi tắt là Công ty D1) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603653124 ngày 02/7/2019, do ông Lê Trung D đứng tên đại diện theo pháp luật, trụ sở chính tại số B, Tổ A, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ngày 01/6/2020, Công ty D1 ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số HĐLĐ: 2020/0601 với Lê Phú C sinh năm 1988, chức danh chuyên môn, công việc của C là tài xế xe tải, mức lương 05 triệu đồng/tháng.

Ngày 16/12/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ3 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ3), do ông Youn Chel W, quốc tịch Hàn Quốc làm Tổng Giám đốc, đại diện pháp luật và Công ty D1 ký Hợp đồng cho thuê máy móc thiết bị số SEHC-P211203-0004, về việc Công ty D1 cho Công ty Đ3 thuê xe tải kèm tài xế hàng tháng, chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, máy móc cho Công ty Đ3. Sau khi ký hợp đồng thì Công ty D1 thông báo cho Công ty Đ3 biết tài xế Lê Phú C điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 60C-520.31 là người chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa, máy móc cho Công ty Đ3.

Ngày 23/4/2022, Công ty Đ3 và Công ty D1 ký Hợp đồng vận chuyển số 63/521/HĐ-VCHH-HTX, về việc vận chuyển 02 khuôn kim loại dùng trong dây chuyền sản xuất nhựa, để giao khuôn có kí hiệu BN63-19914A022 cho Công ty P, tại Khu Công nghệ cao, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và khuôn có kí hiệu DJ61-02942A002 cho Công ty T2, tại Khu Công nghiệp B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cùng ngày, ông Nguyễn Chí H1 là nhân viên quản lý khuôn của Công ty Đ3 gọi Lê Phú C đến Công ty Đ3 nhận 02 chiếc khuôn trên để giao cho Công ty P và Công ty T2. Khoảng 14 giờ cùng ngày, C nhận hồ sơ xuất kho từ Nguyễn Chí H1 đối với 02 khuôn nêu trên tại Công ty Đ3, C đã làm thủ tục xuất kho và mang khuôn ra khỏi Công ty Đ3 để mang đi giao. C đã giao khuôn BN63-19914A022 cho Công ty P tại khu Công nghệ cao, còn khuôn DJ61 thì C nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán kiếm tiền, nên C điều khiển xe ô tô chở khuôn DJ61 đến khu vực Trường Đại học M, tại Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, rồi để xe và khuôn tại đây. Ngày 24/4/2022, C liên hệ với Nguyễn Đức T là lái xe của Công ty D1 đã nghỉ việc, để tìm chỗ bán khuôn thì T đồng ý. T liên hệ với Nguyễn Văn Đ để hỏi bán khuôn cho C và được Đ đồng ý mua nên ngày 25/4/2022 T dẫn C đến kho bãi thu mua phế liệu trong Khu công nghiệp B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để bán khuôn cho Đ. Hai bên thỏa thuận giá 10.800 đồng/kg, thành tiền là 59.500.000 đồng, Đ trả bằng tiền mặt và đưa số tiền này cho T nhận, ngoài ra Đ còn đưa cho T 2.600.000 đồng là tiền mà T giới thiệu cho Đ mua khuôn. Sau khi nhận 59.500.000 đồng của Đ thì T giao lại cho C và C cho T mượn số tiền 6.000.000 đồng. Cùng ngày, Đ bán khuôn này cho Lê Kim S với giá 61.500.000 đồng và sau đó S bán lại cho Nguyễn Thị N là chủ vừa phế liệu tại địa chỉ số B, Tổ F, đường M, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương với giá 63.360.000 đồng. Sau đó Nguyễn Thị N đã bán chiếc khuôn trên cho khách lạ nên không xác định được người mua.

Ngày 25/4/2022, Công ty T2 thông báo cho Công ty Đ3 về việc không nhận

được khuôn DJ61. Cùng ngày, Công ty Đ3 làm việc với Công ty D1 và xác định Lê Phú C không giao khuôn cho Công ty T2. Ngày 06/5/2022, bà Đinh Thị Nhật T1 là nhân viên Pháp chế của Công ty Đ3, được Công ty Đ3 ủy quyền đến Công an phường T, thành phố T trình báo sự việc nêu trên.

Ngày 13/6/2022, sau khi tìm kiếm thì Lê Phú C đến Công ty Cổ phần T3 tại K, X Hà Nội, phường T, thành phố T tìm được khuôn và mua lại với giá 76.023.000 đồng. Sau đó C đã hoàn trả khuôn DJ61 cho Công ty D1 và Công ty Đ3.

Kết luận định giá tài sản số 45-KV2/KLĐG-HĐĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân Thành phố T, kết luận: Khuôn kim loại, ký hiệu DJ61-02942A002 trị giá 1.192.101.744 đồng.

Kết quả kiểm tra camera, nhận dạng, xác định hiện trường phù hợp với tình tiết và nội dung vụ án.

Kết quả ghi lời khai:

- Lê Phú C khai: C khai nội dung phù hợp với kết quả điều tra. C thừa nhận được Công ty D1 giao nhiệm vụ quản lý và vận chuyển khuôn DJ61 từ kho của Công ty Đ3 đến Công ty T2, nhưng C không thực hiện mà đã bán chiếc khuôn trên với số tiền 59.500.000 đồng cho Nguyễn Văn Đ. Số tiền trên C đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Đối với Nguyễn Chí H1, do H1 làm điều tiết xe để chở hàng cho Công ty Đ3 nên C và H1 thường xuyên liên lạc với nhau. Các lời khai trước, C khai đã bàn bạc với Nguyễn Chí H1 để chiếm đoạt chiếc khuôn DJ61 là không đúng sự thật. C cố tình khai thêm H1 vì nghĩ H1 có thể giúp C trong việc làm mất khuôn. Thực tế, việc chiếm đoạt khuôn DJ61 do một mình C thực hiện, không liên quan đến H1.

Đối với việc C nhờ Nguyễn Đức T tìm chỗ bán khuôn, sau đó T đã đưa C đến gặp Nguyễn Văn Đ, C không nói cho T và Đ biết về nguồn gốc của chiếc khuôn là của Công ty Đ3.

- Ông Lê Trung D, Giám đốc Công ty D1 và ông Lê Đăng Minh K là đại diện theo ủy quyền của Công ty Đ3 khai nội dung phù hợp với kết quả điều tra.

Về yêu cầu dân sự, Công ty D1 và Công ty Đ3 đều không yêu cầu Lê Phú C bồi thường.

Ngoài ra, ông Lê Trung D khai: Lê Phú C và Công ty D1 ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn để C làm tài xế lái xe tải của Công ty, lương hàng tháng là 05 triệu đồng. Lịch làm việc của C sẽ được sắp xếp theo Hợp đồng P211203-0004 ngày 16/12/2022 giữa Công ty D1 và Công ty Đ3. Tuy nhân viên lái xe và phương tiện thuộc quản lý của Công ty D1, nhưng việc C điều khiển xe đến nhận hàng để chở đi là do phía Công ty Đ3 điều phối.

- Kết quả ghi lời khai của Nguyễn Đức T; kết quả đối chất giữa C và T: T và C quen biết với nhau do trước đó T là tài xế của Công ty D1 (đã nghỉ việc). Do chơi thân với nhau nên C thường xuyên rủ T đi cùng đến Công ty Đ3 để nhận hàng và vận chuyển đến các nơi theo hợp đồng.

Ban đầu T khai, sáng ngày 23/4/2022, T có đi cùng C đến Công ty Đ3 để nhận khuôn, trong lúc đợi nhận khuôn thì T đi cùng bạn là Lê Anh N1 đến tỉnh Tiền Giang để chơi và về thành phố B trong ngày. Do tối ngày 23/4/2022, C gọi điện thoại cho T nói có phế liệu cần bán nên sáng ngày 24/4/2022, T dẫn C đến vừa phế liệu của ông Nguyễn Văn Đ để bán, giá cả do C và ông Đ tự thương lượng. Về nguồn gốc chiếc khuôn T không biết, sau này làm việc tại Cơ quan điều tra mới biết đó là khuôn kim loại của Công ty Đ3.

Ngày 07/5/2024, Nguyễn Đức T đến Cơ quan điều tra để khai lại do T nhớ nhầm, T khai: Từ ngày 17/4/2022 đến ngày 22/4/2022, T được anh Đ1 có địa chỉ tại Chung cư A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thuê lái xe để chở anh Đ1 đi công tác tại Thừa Thiên Huế. Ngày 23/4/2022, do mới đi xa về mệt nên T ở nhà, T không đi cùng C đến Công ty Đ3. Khoảng 20 giờ ngày 24/4/2022, khi đang ở nhà thì T nhận điện thoại của C để hỏi chỗ bán sắt phế liệu nên T hẹn C đến sáng ngày 25/4/2022 để đến chỗ bán phế liệu. T không biết về nguồn gốc chiếc khuôn. T được Đưng trả 2,6 triệu đồng do giới thiệu bán khuôn và do biết C có tiền nên đã mượn của C 06 triệu đồng sau đó T đã trả lại C số tiền trên. Việc T nhớ nhầm là do ngày 12 và 13/4/2022, T có đi cùng với ông Lê Anh N1 đến tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Đ2 đón T tại cổng Số 5 của Công ty Đ3 vào 10 giờ sáng ngày 12/4/2022.

Kết quả đối chất giữa C và T: C trình bày sáng ngày 23/4/2022, C rủ T đến Công ty Đ3 để nhận khuôn. Trong lúc chờ nhận khuôn thì có người gọi điện thoại cho T và đến đón T đi. T phủ nhận việc đi cùng C vào sáng ngày 23/4/2022 để nhận khuôn tại Công ty Đ3.

Đối với việc chiếm đoạt khuôn DJ161, C trình bày: Việc chiếm đoạt khuôn do một mình C thực hiện. Việc bán khuôn C và T không có sự bàn bạc từ đầu, việc thỏa thuận bán khuôn thì C và ông Đ tự thỏa thuận giá, T không tham gia. Khi bán C cũng chỉ nói cho T là bán sắt phế liệu nên T không biết việc C chiếm đoạt khuôn trên của Công ty Đ3. Đồng thời, các nội dung khác, T và C khai phù hợp với nhau.

Ghi lời khai của ông Lê Anh N1 là bạn của Nguyễn Đức T phù hợp với nội dung T khai tại Biên bản ghi lời khai ngày 25/4/2024.

Các cá nhân Nguyễn Chí H1, Nguyễn Văn Đ, Lê Kim S, Nguyễn Thị N khai phù hợp với nội dung kết quả điều tra.

Kết quả đối chất giữa Lê Phú C và Nguyễn Chí H1 phù hợp với nội dung kết quả điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 507/2024/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt Lê Phú C 18 (Mười tám) năm tù, về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 17/12/2022).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, bị cáo Lê Phú C có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là quá nặng, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Phú C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung xin giảm hình phạt. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt để sớm về với gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

Về nội dung: Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục hậu quả, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt. Mức án 18 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ một đến hai năm tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thông nhất tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo, không tranh luận với kiểm sát viên. Luật sư nêu các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo chỉ nghĩ là bán phở liệu với số tiền không lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, đánh giá mà giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 11 năm 2024, bị cáo Lê Phú C có làm đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo C làm và nộp trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Phú C:

[2.1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo cũng như những chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Ngày 01/6/2020, bị cáo Lê Phú C được Công ty D1 ký

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn, với chức danh chuyên môn là tài xế xe tải. Ngày 23/4/2022, Công ty D1 và Công ty Đ3 ký Hợp đồng vận chuyển số 63/521/HĐ-VCHH-HTX, theo hợp đồng thì Công ty D1 đến Công ty Đ3 nhận 02 khuôn kim loại có kí hiệu BN63-19914A022 và DJ61-02942A002, để giao cho Công ty P tại Khu Công nghệ cao, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và giao cho Công ty T2 tại Khu Công nghiệp B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cùng ngày, theo sự phân công của Công ty D1, bị cáo Lê Phú C điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 60C-520.31 đến Công ty Đ3 nhận và vận chuyển 02 khuôn kim loại trên đến giao cho Công ty P và Công ty T2, nhưng sau khi nhận 02 khuôn kim loại thì bị cáo chỉ giao khuôn BN63-19914A022 cho Công ty P, còn khuôn DJ61-02942A002 thì bị cáo đem bán. Như vậy, bị cáo Lê Phú C đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý và hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo Kết luận định giá tài sản số: 45-KV2/KLDG-HĐĐGTS, ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T thì chiếc khuôn DJ61-02942A002 mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 1.192.101.744 (Một tỷ một trăm chín mươi hai triệu một trăm lẻ một nghìn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng, nên hành vi của bị cáo Lê Phú C đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “Chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khung hình phạt nêu trên là đúng pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi tội phạm bị phát hiện, bị cáo đã tích cực tìm kiếm và chuộc lại khuôn để giao trả cho bị hại; bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu và đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn, hối hận với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, đồng thời khai báo rõ ràng về hành vi của những người liên quan trong vụ án nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình có khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ. Xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải về hành vi mà mình đã thực hiện, tích cực khắc phục hậu quả trả lại tài sản chiếm đoạt cho bị hại, nhưng cũng đủ để nghiêm trị bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phú C.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 507/2024/HS-ST ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần hình phạt đối với bị cáo.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Phú C phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Phú C.

Xử phạt bị cáo Lê Phú C 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam, ngày 17 tháng 12 năm 2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Phú C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Công an TP.HCM
- Cục THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú